



# BẢN TIN

## KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

Tuần 2+3 | Tháng 02/2026



***Kinh tế Mỹ tăng trưởng thấp hơn dự báo, lạm phát giảm tốc, thâm hụt thương mại nới rộng***

***Kinh tế Trung Quốc: Bất động sản và căng thẳng thương mại là những rủi ro chính***

***Nghị định 57/2026/NĐ-CP: Quản trị danh mục vốn nhà nước, hướng tới ba mục tiêu: nâng hiệu quả sử dụng vốn, tăng tính minh bạch và tối ưu cấu trúc đầu tư***

***Lãi suất VND LNH theo xu hướng giảm mạnh trở lại ở tất cả các kỳ hạn từ 01 tháng trở xuống***

LƯU HÀNH NỘI BỘ



<https://vnba.org.vn/>



(024) 382 187 33



---

## **BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ**

### **Tuần 2+3 tháng 2 (09-21/02/2026)**

#### **CÁC THÔNG TIN CHÍNH**

##### **Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam**

- Nghị định 57/2026/NĐ-CP: Quản trị danh mục vốn nhà nước, hướng tới ba mục tiêu: nâng hiệu quả sử dụng vốn, tăng tính minh bạch và tối ưu cấu trúc đầu tư;
- Cán cân thương mại hàng tháng 1/2026: Thâm hụt 1,784 tỷ USD; Tổng trị giá xuất nhập khẩu đạt 88,16 tỷ USD
- Thị trường tiền gửi nhanh chóng nóng lên khi hàng loạt ngân hàng điều chỉnh lãi suất;
- CASA ngân hàng quý IV/2025 ghi nhận sự phân hóa mạnh và có xu hướng giảm nhẹ;
- NIM ngân hàng tiếp tục xu hướng giảm;
- Lãi suất VND LNH theo xu hướng giảm mạnh trở lại ở tất cả các kỳ hạn từ 01 tháng trở xuống;
- Tuần trước tết Nguyên đán, NHNN bơm ròng 2.882,57 tỷ đồng ra thị trường qua kênh OMO;
- Tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh giảm qua các phiên.

##### **Kinh tế - tài chính thế giới**

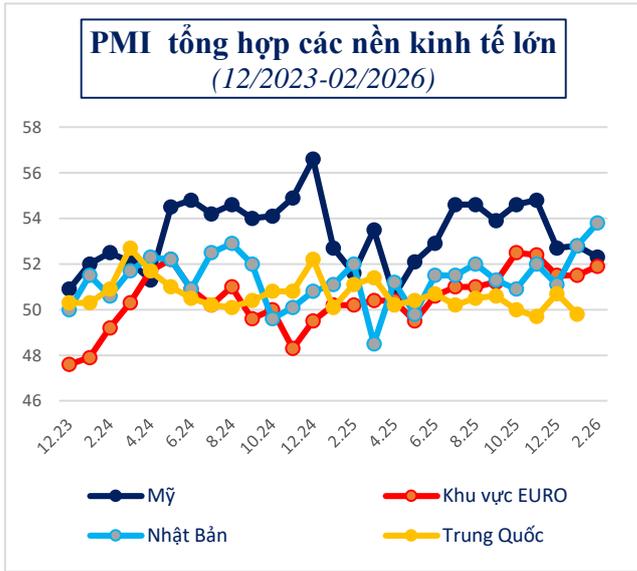
- Các nền kinh tế lớn tiếp tục phân hóa rõ nét trước những tác động của các động lực cầu khác nhau và động thái chính sách tiền tệ;
- Kinh tế Mỹ tăng trưởng thấp hơn dự báo, lạm phát giảm tốc nhưng thâm hụt thương mại nói rộng;
- Kinh tế khu vực EURO tăng trưởng bền bỉ nhờ lạm phát giảm và lãi suất thấp hơn;
- Kinh tế Nhật Bản: Lạm phát giảm và xuất khẩu tăng mạnh;
- Kinh tế Trung Quốc: Bất động sản và căng thẳng thương mại là những rủi ro chính;
- FED có sự chia rẽ về chính sách tiền tệ;
- ECB công bố kế hoạch mở rộng cơ chế hỗ trợ thanh khoản bằng đồng Euro (repo) ra toàn cầu từ Quý III/2026.

# A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

## I. Kinh tế thế giới

### Tình hình sản xuất, kinh doanh một số nền kinh tế lớn tháng 2/2026

Số liệu PMI sơ bộ tháng 2/2026 vừa được công bố bởi S&P Global cho thấy bức tranh hoạt động kinh doanh ở các nền kinh tế lớn tiếp tục phân hóa rõ nét, với tăng trưởng phục hồi tại châu Âu, Anh Quốc và Nhật Bản, nhưng suy yếu ở Mỹ, phản ánh các động lực cầu khác nhau và tác động chính sách tiền tệ.



Chỉ số PMI tổng hợp sơ bộ (flash composite PMI) của Mỹ giảm từ 53 (tháng 1) xuống 52,3 (tháng 2), mức thấp nhất trong 10 tháng, dù vẫn trên ngưỡng 50 – chỉ báo phân kỳ giữa mở rộng và thu hẹp hoạt động.

PMI sản xuất giảm xuống 51,2, thấp hơn cả dự báo và tháng trước; PMI dịch vụ giảm xuống 52,3. Cả hai khu vực sản xuất và dịch vụ đều cho thấy đơn đặt hàng mới chậm lại, nhu cầu yếu hơn và tăng trưởng việc làm gần như đình trệ. Dữ liệu này tương ứng với dự báo tăng trưởng GDP chỉ khoảng 1,5% trong quý I/2026, thấp hơn đáng kể so với tốc độ cuối năm 2025.

PMI tổng hợp sơ bộ khu vực Eurozone tăng lên 51,9 từ 51,3, đánh dấu tháng mở rộng thứ 14 liên tiếp.

PMI sản xuất bật lên 50,8 từ 49,5, lần đầu vượt ngưỡng 50 (mở rộng) sau nhiều tháng suy giảm, mức cao nhất trong 44 tháng. PMI dịch vụ cũng giữ vững ở ngưỡng 51,8. Đức dẫn đầu đà phục hồi sản xuất với PMI manufacturing 50,7, trong khi Pháp vẫn gần ngưỡng đình trệ.

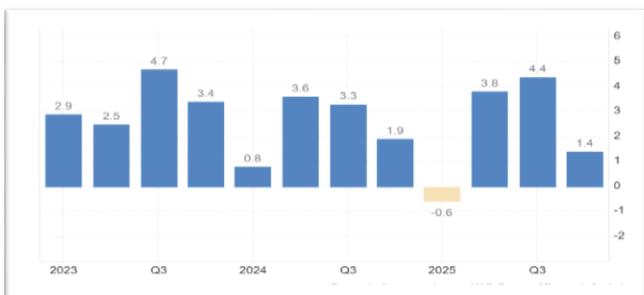
Nhật Bản tiếp tục là điểm sáng với PMI sản xuất sơ bộ tăng lên 52,8, mức cao nhất gần 4 năm, nhờ cả đơn đặt hàng trong nước và xuất khẩu mạnh.

PMI dịch vụ đạt 53,8, mức cao nhất kể từ giữa năm 2024, đẩy chỉ số PMI tổng hợp lên 53,8. Niềm tin doanh nghiệp tăng lên mức cao nhất 15 tháng cho thấy kỳ vọng mở rộng tiếp tục trong các ngành công nghiệp then chốt như bán dẫn và công nghệ.

PMI tổng hợp sơ bộ của Anh đạt 53,9, cao nhất trong 22 tháng, nhờ cả sản xuất và dịch vụ mở rộng.

PMI dịch vụ giữ ở 53,9 và PMI sản xuất tăng lên 52,0, cả hai đều cao hơn dự báo và tháng trước, phản ánh tăng trưởng “vững” trong khu vực tư nhân. Dù vậy, các doanh nghiệp vẫn báo cáo cắt giảm việc làm, thể hiện sức ép chi phí và cải thiện năng suất thay vì tuyển dụng.

### Kinh tế Mỹ tăng trưởng thấp hơn dự báo GDP quý IV/2025 giảm tốc



Tăng trưởng GDP Quý 4/2025 của Mỹ chỉ đạt 1,4% (so với cùng kỳ năm trước) - thấp hơn nhiều so với dự báo 3%, kéo mức tăng trưởng cả năm 2025 xuống còn 2,2%.

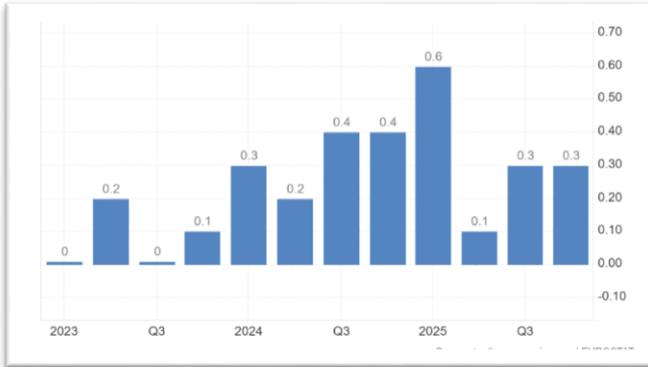
Lạm phát (CPI) tháng 1 giảm xuống 2,4% - mức thấp nhất kể từ tháng 5/2025. CPI lõi cũng hạ nhiệt về mức 2,5% - thấp nhất kể từ tháng 3/2021.

Thâm hụt thương mại hàng hóa tháng 12/2025 nói rộng mạnh lên 98,5 tỷ USD do nhập khẩu nguyên liệu công

nghiệp tăng vọt. Mỹ và Đài Loan đã ký thỏa thuận thương mại, giảm thuế quan đối với hàng xuất khẩu của Đài Loan xuống mức 15%.

### Kinh tế khu vực EURO: Tăng trưởng bền bỉ nhờ lạm phát giảm và lãi suất thấp hơn

#### GDP quý IV/2025



GDP quý IV/2025 của Eurozone tăng 0,3% y/y, cả năm 2025 tăng 1,3% y/y cho thấy sự bền bỉ nhờ lạm phát giảm tốc và lãi suất thấp hơn.

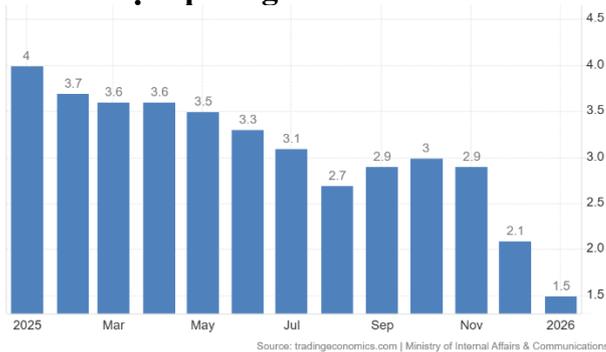
Cả ECB và Ủy ban châu Âu đều dự báo tăng trưởng cả khu vực có thể đạt 1,2% trong năm 2026 trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị vẫn tiếp tục và bất ổn chính sách thương mại.

Niềm tin người tiêu dùng lên mức cao nhất trong vòng 1 năm qua, dù vậy vẫn dưới mức dự báo.

Quan điểm của ECB cho rằng không cần thiết phải cắt giảm lãi suất ngay lập tức được củng cố khi tiền lương trong quý 4/2025 tăng khoảng gần 3%.

### Kinh tế Nhật Bản: Lạm phát giảm và xuất khẩu tăng mạnh

#### Lạm phát giảm tốc nhanh



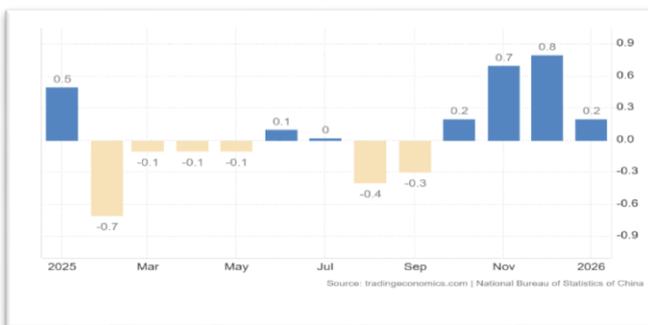
Đảng Dân chủ Tự do (LDP) dưới sự lãnh đạo của bà Sanae Takaichi đã giành chiến thắng lịch sử, chiếm 316/465 ghế tại Hạ viện. Thủ tướng Takaichi cam kết thực hiện chính sách tài khóa mở rộng và đề xuất hoãn thuế tiêu thụ 8% đối với thực phẩm trong 2 năm.

Lạm phát toàn phần tháng 1/2026 giảm xuống 1,5% y/y - mức thấp nhất kể từ tháng 3/2022. Tiền lương thực tế tháng 12/2025 giảm 0,1%, đánh dấu tháng suy giảm thứ 12 liên tiếp.

Xuất khẩu tháng 1/2026 tăng vọt 16,8% nhờ nhu cầu mạnh từ châu Á trước dịp Tết Nguyên đán, bù đắp cho sự sụt giảm 5% sang thị trường Mỹ.

### Kinh tế Trung Quốc: Bất động sản và căng thẳng thương mại là những rủi ro chính

#### Lạm phát bất ngờ giảm tốc



IMF giữ nguyên dự báo tăng trưởng của Trung Quốc năm 2026 ở mức 4,5% nhưng cảnh báo lĩnh vực bất động sản và căng thẳng thương mại là rủi ro chính.

CPI tháng 1/2026 giảm mạnh về 0,2% y/y do giá thịt lợn và trứng sụt giảm.

Hoạt động tại các cảng biển tăng vọt trước Tết Nguyên đán, với lượng container tại các cảng lớn tăng 40% so với cùng kỳ. Tình trạng ùn tắc đã khiến giá cước vận tải đường bộ tăng tới 80%.

Bộ Tài chính khuyến cáo các tổ chức tài chính trong nước hạn chế nắm giữ trái phiếu Kho bạc Mỹ để giảm thiểu rủi ro tập trung.

Nền kinh tế	GDP	CPI (y/y)	PMI Sản xuất	Thông tin đáng chú ý
<b>Mỹ</b>	Q4/2025: 1,4% q/q Cả năm: 2,2%	2,4% (Thấp nhất từ tháng 5/2025)	52,3 điểm. Đang phục hồi (Sản lượng tăng 0,6%)	Tiêu dùng duy trì ổn định, lạm phát lõi giảm. Phán quyết của Tòa án Tối cao bác bỏ thuế quan của Tổng thống Trump; Rủi ro lạm phát tiềm ẩn.
<b>Trung Quốc</b>	Dự báo 2026: 4,5%	0,2% (Giảm mạnh do giá thực phẩm)	Dưới 50 điểm. Suy yếu (Nhu cầu nội địa thấp)	Xuất khẩu và vận tải bùng nổ trước Tết Nguyên đán; Rủi ro bất động sản kéo dài.
<b>Nhật Bản</b>	Q4/2025: 0,2% q/q	1,5% (Thấp nhất từ 3/2022)	52,8 (Cao nhất gần 4 năm)	Tiền lương thực tế giảm tháng thứ 12 liên tiếp. LDP thắng cử áp đảo; đề xuất hoãn thuế thực phẩm 8%.
<b>Khu vực EURO</b>	Q4/2025: 0,3% q/q Cả năm: 1,5%	Đang kiểm soát tốt	50,8 (Cao nhất từ tháng 6/2022)	PMI Sản xuất tháng 2 đạt 50,8, cao nhất từ tháng 6/2022.

*Nguồn: BLS/EUROSTAT/Nikkei/NBS/Tradingeconomics*

## II. Thị trường tài chính

### Động thái chính sách các NHTW lớn

#### **FED có sự chia rẽ về chính sách tiền tệ**

*Biên bản cuộc họp Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) thuộc Fed cho thấy sự chia rẽ sâu sắc về lộ trình lãi suất; một số ý kiến ủng hộ tiếp tục cắt giảm, trong khi những người khác đề ngỏ khả năng tăng lãi suất nếu lạm phát neo cao.*

Dữ liệu cho thấy lạm phát vẫn tồn tại trong nền kinh tế trong khi GDP chậm lại, điều đó cho thấy nền kinh tế chưa ở gần điểm đảo chiều. Vẫn còn nhiều yếu tố chưa rõ ràng và bất định xung quanh triển vọng kinh tế Mỹ.

Các nhà giao dịch hiện vẫn kỳ vọng Fed sẽ có hai đợt cắt giảm lãi suất, mỗi đợt 25 điểm cơ bản trong năm nay, với lần đầu tiên dự kiến vào tháng 6.2026.

#### **ECB: Công bố kế hoạch mở rộng cơ chế hỗ trợ thanh khoản bằng đồng Euro (repo) ra toàn cầu từ Quý III/2026.**

Chủ tịch C. Lagarde khẳng định đây là cơ hội để đồng EURO giành thị phần toàn cầu trong bối cảnh các nhà đầu tư lo ngại về sự khó lường của chính sách từ Mỹ.

#### **BOJ được khuyến nghị tăng lãi suất**

*Mặc dù trong nửa đầu tháng 2/2026 chưa có thay đổi về lãi suất, các nhà hoạch định chính sách và thị trường vẫn đặt cược cao vào khả năng BOJ tăng lãi suất tiếp theo vào các tháng tới như tháng 3 hoặc tháng 4/2026, đặc biệt nếu đồng Yên yếu trở lại hoặc lạm phát/dữ liệu kinh tế hỗ trợ.*

Thành viên hội đồng quản trị Kazuyuki Masu khẳng định Nhật Bản cần tiếp tục tăng lãi suất để bình thường hóa chính sách và thu hẹp chênh lệch lãi suất với các nước khác.

BOJ hiện đang duy trì mục tiêu kiểm soát lạm phát xung quanh vùng mục tiêu ~2% và đồng thời theo dõi kỹ lưỡng tác động của việc tăng lãi suất đối với hệ thống tài chính (đặc biệt là ngân hàng khu vực và doanh nghiệp nhỏ). IMF cũng khuyến nghị BOJ tiếp tục tăng lãi suất một cách thận trọng để củng cố mục tiêu ổn định giá cả.

#### **PBOC: Tiếp tục quan điểm nói lỏng nhẹ**

*Có những dấu hiệu cho thấy PBOC có thể tăng vai trò của lãi suất qua đêm trong điều hành chính sách và cân nhắc điều chỉnh khung chính sách để phù hợp hơn với các ngân hàng trung ương tiên tiến. Tuy nhiên, bước đi cụ thể vẫn ở mức dự báo và nghiên cứu, với kỳ vọng mở rộng nói lỏng hơn vào nửa sau năm 2026.*

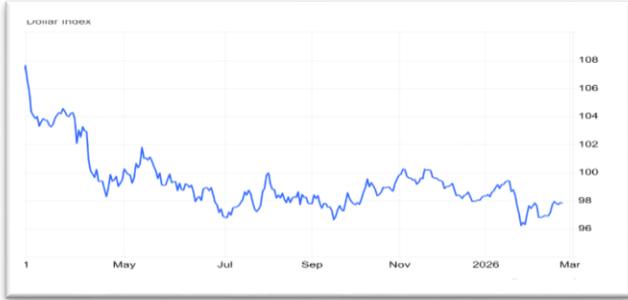
PBOC tuyên bố tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ “hơi lỏng” (moderately loose) trong năm 2026, tập trung vào các công cụ cấu trúc hơn là cắt giảm lãi suất trực tiếp.

Điều này có nghĩa là ngân hàng sử dụng các công cụ hỗ trợ mục tiêu như tín dụng có hướng, điều hành tỷ giá ổn định, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực ưu tiên như công nghệ, mở rộng nhu cầu trong nước.

*Nguồn: FED/ECB/BOE/BOJ/PBOC*

## Diễn biến thị trường tài chính nổi bật tuần qua

**Thị trường Tiền tệ:** Chỉ số DXY biến động quanh mức 97,7 - 98, ban đầu chịu áp lực từ phán quyết của Tòa án Tối cao Mỹ nhưng phục hồi ngay sau khi ông Trump dọa áp thuế toàn cầu mới.



Đồng Yên suy yếu vượt mốc 155 JPY/USD do lạm phát hạ nhiệt làm giảm kỳ vọng BOJ sớm tăng lãi suất. Đồng Nhân dân tệ chạm mức cao nhất 34 tháng (6,89 USD/CNY) trong bối cảnh thị trường nội địa nghỉ lễ.

## Những diễn biến và tác động đáng chú ý trên thị trường tài chính toàn cầu

**Sốc pháp lý thuế quan tại Mỹ:** Việc Tòa án Tối cao Mỹ (SCOTUS) bác bỏ quyền áp thuế đối ứng của Tổng thống D. Trump theo Đạo luật IIEPA là một cú sốc pháp lý lớn. Tuy nhiên, việc ông lập tức viện dẫn Điều 122 của Đạo luật Thương mại 1974 để áp dụng sắc lệnh áp thuế 10% toàn cầu cho thấy *rủi ro chiến tranh thương mại không hề suy giảm, mà chỉ chuyển sang một hình thức khác*. Điều này sẽ tiếp tục duy trì áp lực lạm phát và hỗ trợ đồng USD, đồng thời gây bất ổn cho chuỗi cung ứng toàn cầu.

### III. Thị trường hàng hóa quốc tế

#### Giá vàng thế giới có xu thế tăng trở lại

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần (16-20/02/2026), giá vàng giao ngay tăng mạnh lên 5.106 USD/oz. Hợp đồng vàng kỳ hạn chốt phiên tăng 2,65% lên 5.130 USD/oz.

Giá vàng tăng hơn 1% trong phiên cuối tuần, được hỗ trợ bởi dữ liệu GDP Mỹ thấp hơn kỳ

**Thị trường Trái phiếu:** Lợi suất trái phiếu 10 năm của Mỹ dao động quanh mốc 4,07% - 4,1%, phản ứng đan xen giữa nhu cầu trú ẩn an toàn do căng thẳng Iran và lo ngại lạm phát từ các biện pháp thuế quan mới.

Tại Trung Quốc, lợi suất 10 năm giao dịch dưới 1,8% sau khi các ngân hàng bị giới chức yêu cầu giảm nắm giữ trái phiếu Kho bạc Mỹ.

**Thị trường Chứng khoán:** Phố Wall chìm trong sắc đỏ (S&P 500 giảm 0,3%) do biên bản họp điều hòa của Fed và rủi ro địa chính trị.

Trái lại, chứng khoán Châu Âu (Euro Stoxx 50) tiến sát mức kỷ lục nhờ dữ liệu PMI đột phá và kỳ vọng giảm rào cản thương mại với Mỹ.

Chứng khoán Nhật Bản hưởng lợi từ sự ổn định chính trị sau chiến thắng của bà Takaichi.

*Nguồn: Bloomberg/CNBC*

**Bước đi lịch sử của ECB và xu hướng "Phi đô-la hóa":** Quyết định mở rộng cơ chế repo bằng đồng EURO ra toàn cầu của ECB là một động thái mang tầm nhìn chiến lược. Cùng với việc Trung Quốc yêu cầu các ngân hàng bán bớt trái phiếu Mỹ, rõ ràng các cực kinh tế lớn đang tận dụng sự bất ổn về chính sách của Mỹ để thúc đẩy đa dạng hóa dự trữ ngoại hối, đe dọa vị thế độc tôn của đồng USD trong dài hạn.

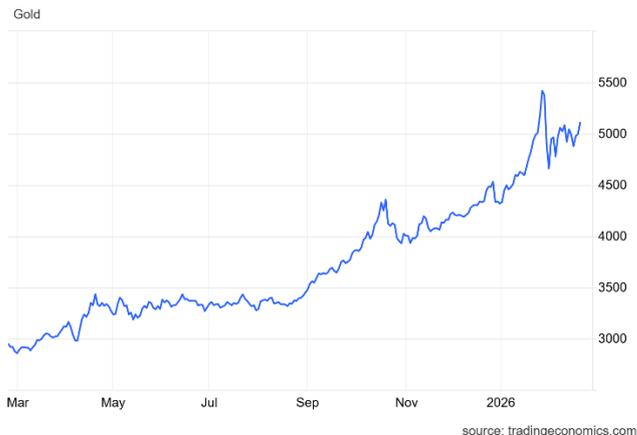
**Giai đoạn khó khăn mới tại Nhật Bản:** Chiến thắng áp đảo của LDP mang lại sự ổn định chính trị tuyệt đối cho Thủ tướng Takaichi. Tuy nhiên, đề xuất kích thích tài khóa mạnh tay (hoãn thuế thực phẩm 8%) trong bối cảnh tỷ lệ nợ công cao kỷ lục đang đặt BOJ vào thế khó khăn. Lạm phát hạ nhiệt tạm thời giúp BOJ có thêm không gian chính sách, nhưng rủi ro bán tháo trên thị trường trái phiếu chính phủ Nhật Bản (JGB) vẫn chực chờ nếu kỷ luật tài khóa bị phá vỡ.

#### Giá dầu thế giới tuần qua tăng mạnh

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần (16-20/02/2026), giá dầu Brent đứng ở mốc 71,76 USD/thùng, tăng 1,86% (tương đương tăng 1,31 USD/thùng). Tương tự, giá dầu WTI ở mốc 66,56 USD/thùng, tăng 2,10% (tương đương tăng 1,37 USD/thùng).

vọng, trong khi nhà đầu tư đánh giá tuyên bố áp thuế toàn cầu mới của Tổng thống Donald Trump sau phán quyết của Tòa án Tối cao về thuế quan.

### Diễn biến giá vàng tuần qua



Vàng – được xem là tài sản trú ẩn an toàn trong bối cảnh bất ổn kinh tế và địa chính trị – cũng thường hưởng lợi khi lãi suất ở mức thấp.

Với các kim loại quý khác, bạc giao ngay tăng 5,8% lên 82,2 USD/oz. Bạch kim tăng 4,5% lên 2.163,53 USD/oz, trong khi palladium tăng 4% lên 1.751,70 USD/oz.

Sau khi tăng hơn 4% trong phiên trước đó, dầu Brent duy trì quanh mức cao nhất kể từ tháng 8 năm ngoái, còn WTI chạm đỉnh cao nhất trong vòng 6 tháng.

### Giá dầu tuần qua



Giá dầu tiến sát mức cao nhất trong 6 tháng do lo ngại về nguy cơ xung đột quân sự giữa Mỹ và Iran, khi hai bên gia tăng hoạt động quân sự tại Trung Đông, khu vực sản xuất dầu mỏ trọng yếu của thế giới.

*Nguồn: OPEC/KITCO/Bloomberg*

# DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ

TUẦN 2+3 tháng 2 (09-21/02/2026)

## Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	3.50%-3.75%	3.75%-4.00%	10/12/2025	18/03/2026
ECB	EURO Zone	2.00%	2.25%	05/06/2025	19/03/2026
BOJ	Nhật Bản	0.75%	0.50%	19/12/2025	19/03/2026
PBoC	Tr/Quốc	3.00%	3.10%	20/05/2025	Không T/báo
RBA	Úc	3.85%	3.60%	03/02/2026	17/03/2026
BoE	Anh	3.75%	4.00%	18/12/2025	19/03/2026
BOK	Hàn Quốc	2.50%	2.75%	29/05/2025	26/02/2026
BI	Indonesia	5.00%	5.50%	20/08/2025	Chưa thông báo

## Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % Từ đầu năm	+/- % năm
EURUSD	1.17845	-0.72%	0.86%	0.37%	12.67%
GBPUSD	1.34783	-1.26%	0.36%	0.14%	6.69%
AUDUSD	0.70861	0.20%	4.80%	6.20%	11.46%
USDJPY	155.048	1.55%	-2.05%	-1.09%	3.82%
USDCNY	6.89776	-0.08%	-0.90%	-1.13%	-4.89%
USDCAD	1.36807	0.45%	-1.11%	-0.29%	-3.86%
USDKRW	1445.17	0.33%	-1.37%	0.32%	0.58%
DXY	97.796	0.91%	-0.98%	-0.54%	-8.27%
USDSGD	1.26751	0.37%	-1.34%	-1.45%	-5.18%

## Lợi tức trái phiếu chính phủ một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % từ đầu năm	+/- % năm
United States	4.0910	0.04%	-0.15%	-0.08%	-0.34%
United Kingdom	4.3555	-0.06%	-0.11%	-0.12%	-0.22%
Japan	2.1093	-0.10%	-0.18%	0.04%	0.68%
Australia	4.7340	-0.02%	-0.03%	-0.03%	0.21%
Germany	2.7385	-0.02%	-0.14%	-0.12%	0.28%
China	1.8100	0.00%	-0.05%	-0.05%	0.14%
Singapore	1.9550	0.02%	-0.20%	-0.27%	-0.91%
South Korea	3.5740	0.00%	-0.03%	0.19%	0.70%
Vietnam	4.2490	0.00%	0.09%	0.06%	1.04%
Indonesia	6.4580	0.05%	0.13%	0.34%	-0.33%

## Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/- % 1 tuần	+/- % 1 tháng	+/- % sv đầu năm	+/- % sv 1 năm	+/- % sv 3 năm
Dow Jones	+0.25%	+1.07%	+3.25%	+14.27%	+49.68%
S&P 500	+1.07%	-0.09%	+0.94%	+14.91%	+72.21%
Nasdaq	+1.51%	-2.62%	-1.53%	+17.22%	+97.46%
DAX	+1.39%	+1.45%	+3.15%	+13.34%	+63.23%
FTSE 100	+2.30%	+5.36%	+7.61%	+23.41%	+35.15%
CAC 40	+2.45%	+4.57%	+4.49%	+4.43%	+16.37%
Nikkei 225	-1.19%	+5.53%	+12.88%	+46.55%	+109.66%
Shanghai	0.00%	-1.31%	+2.85%	+20.80%	+24.17%
Hang Seng	-0.58%	-1.26%	+3.05%	+12.50%	+29.79%

## Thị trường hàng hóa thế giới

1. Năng lượng	Giá	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % từ đầu năm	+/- % năm
Dầu thô USD/Bbl	66.480	5.71%	9.67%	15.78%	-5.57%
Khí ga USD/MMBtu	3.0470	-6.04%	-37.50%	-17.34%	-26.20%
Xăng USD/Gal	1.9938	4.58%	7.55%	16.54%	-1.88%
Than USD/T	116.15	0.04%	5.64%	8.05%	12.22%
2. Kim loại quý					
Vàng USD/t.oz	5109.17	1.29%	5.77%	18.27%	74.14%
Bạc USD/t.oz	84.570	8.47%	-9.17%	18.68%	160.14%
Lithium CNY/T	143750	6.88%	-11.81%	21.31%	88.52%
Platin SD/t.oz	2176.00	4.76%	-12.80%	5.12%	123.11%

4. Khoáng sản - Nông sản	Giá	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % Từ đầu năm	+/- % năm
Đồng USD/Lbs	5.8390	0.62%	1.23%	2.76%	28.80%
Thép CNY/T	3056.00	0.03%	-2.80%	-1.29%	-4.68%
Quặng sắt \$/T	746.00	-1.97%	-8.91%	-5.51%	-6.52%
Chì USD/T	1969.23	0.26%	-2.78%	-1.79%	-1.98%
Nhôm USD/T	3101.90	0.20%	-0.57%	3.54%	15.95%
Thiếc USD/T	45640	-8.10%	-7.63%	12.54%	36.66%
Kẽm USD/T	3377.95	0.91%	6.63%	8.21%	15.35%
Nikel USD/T	17435	2.59%	-3.00%	4.09%	12.63%

3. Nông sản	Giá	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % từ đầu năm	+/- % năm trước
Sữa USD/CWT	15.02	-0.27%	1.90%	-1.31%	-25.72%
Cao su S Cents/Kg	192.70	0.10%	7.12%	7.12%	-6.23%
Coffee USD/Lbs	285.35	-4.34%	-17.88%	-18.18%	-27.82%
Bông USD/Lbs	65.517	2.16%	1.89%	1.94%	-0.83%
Gạo USD/cwt	10.1400	-7.99%	-6.02%	5.68%	-25.44%
Đường USD/Lbs	13.86	2.74%	-5.97%	-7.66%	-34.94%
Chè INR/Kgs	156.07	1.37%	-7.87%	-14.85%	9.19%
Ngô USD/BU	428.0000	-0.87%	1.48%	-2.78%	-12.70%

5. Nông sản - Thủy sản		Giá tuần này	Giá tuần trước	Ghi chú
Tiêu US\$/kg	Indonesia - Black Pepper	6,720	6,647	(14/02/2026)
	Brazil Black - Pepper ASTA 570	6,100	6,000	
Điều US\$/kg	Ấn Độ - Garbled/Ungarbled	7,130	7,130	
	Kunming/ Trung Quốc	1,340	1,335	
Cá da tron	Kolar/Ấn Độ	1,375	1,385	
	Vietnam (US\$/kg)	1,640	1,685	
Tôm chân trắng US\$/kg 30 con	Thái Lan (US\$/kg)	1,450	1,880	
	Pradesh (Ấn Độ)	4,460	4,485	
	Đông Java (Indonesia)	4,440	4,450	

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing/ Tridge.com/ Ipscnet.org/giacaphe.vn/Vasep.com.vn; 21/02/2026

## B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

### I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

**Một số văn bản pháp luật quan trọng có hiệu lực từ tháng 02/2026**

***Nghị định 340/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 09/02/2026):***

Nghị định này nhằm tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng, tiền tệ, và bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng.

***Xử phạt vi phạm kinh doanh vàng:*** Phạt tiền từ 250 - 300 triệu đồng (cá nhân) đối với hoạt động sản xuất vàng miếng không đúng quy định. Phạt lên đến 400 triệu đồng đối với các vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về kinh doanh vàng miếng/nguyên liệu.

***Tịch thu vàng miếng:*** Tịch thu vàng miếng trong các trường hợp giao dịch tại đơn vị không có giấy phép, sản xuất trái phép hoặc xuất nhập khẩu vàng không giấy phép.

***Giao dịch vàng:*** Phạt tới 20 triệu đồng khi mua, bán vàng miếng với tổ chức không có giấy phép hoặc không thực hiện thanh toán qua tài khoản.

***Vận chuyển vàng:*** Mang theo vàng khi xuất, nhập cảnh trái quy định có thể bị phạt từ 80 - 100 triệu đồng.

***Lưu ý về mức phạt:*** Mức phạt tiền trên áp dụng cho cá nhân. Đối với tổ chức vi phạm, mức phạt bằng 2 lần mức phạt đối với cá nhân.

***Đối tượng điều chỉnh:*** Nghị định tập trung vào hành vi kinh doanh, thương mại, không điều chỉnh việc sở hữu/cất giữ hợp pháp của người dân.

***Mức phạt đối với giao dịch bằng ngoại tệ:*** Quy định rõ các mức phạt theo giá trị ngoại tệ mua bán trái phép (dưới 1.000 USD bị cảnh cáo, trên 100.000 USD phạt đến 100 triệu đồng).

***Nghị định 57/2026/NĐ-CP về cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực từ 13/2/2026.***

Đây được xem là bước điều chỉnh quan trọng trong quản trị danh mục vốn nhà nước, hướng tới ba mục tiêu: nâng hiệu quả sử dụng vốn, tăng tính minh bạch và tối ưu cấu trúc đầu tư.

***Nghị định 373/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 14/02/2026):***

Điều chỉnh các quy định liên quan đến việc khai thuế và nghĩa vụ tài chính của người nộp thuế, đặc biệt là các quy định về thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, và các khoản thu liên quan đến đất đai.

Trong đó, sửa đổi quy định về quản lý thuế, đặc biệt là việc miễn xử phạt cho hồ sơ khai thuế chậm do thay đổi kỳ tính thuế, giúp giảm rủi ro cho doanh nghiệp.

***Một số điểm đáng chú ý:***

- Khai thuế thu nhập cá nhân theo quý;
- Các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai;
- Quy định về quyết toán thuế thu nhập cá nhân;
- Thay đổi mẫu biểu và thông báo...

***Thông tư số 82/2025/TT-NHNN quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng, chính thức có hiệu lực từ ngày 12/2/2026.***

Giới hạn trạng thái vàng cuối ngày của tổ chức tín dụng được xác định chặt chẽ trên cơ sở vốn tự có. Cụ thể, các tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng chỉ được duy trì trạng thái vàng tối đa 5% so với vốn tự có; trong khi đó, các tổ chức được phép kinh doanh mua, bán vàng miếng không được vượt quá 2% vốn tự có, trừ một số trường hợp đặc thù theo quy định.

Tổ chức tín dụng không được duy trì trạng thái vàng âm, qua đó hạn chế tình trạng đầu cơ, sử dụng đòn bẩy quá mức và rủi ro mất cân đối tài chính. Trong trường hợp đặc biệt, tổ chức tín dụng chỉ được phép duy trì trạng thái vàng ngoài giới hạn khi có sự chấp thuận của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...

***Thông tư 64/2025/TT-NHNN (có hiệu lực từ 15/02/2026):***

Cập nhật căn cứ pháp lý về Luật Doanh nghiệp, bao gồm Luật số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và bổ sung phụ lục: Thay thế phụ lục cũ và bổ sung các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII kèm theo Thông tư mới.

Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tài chính vi mô hoạt động tại Việt Nam.

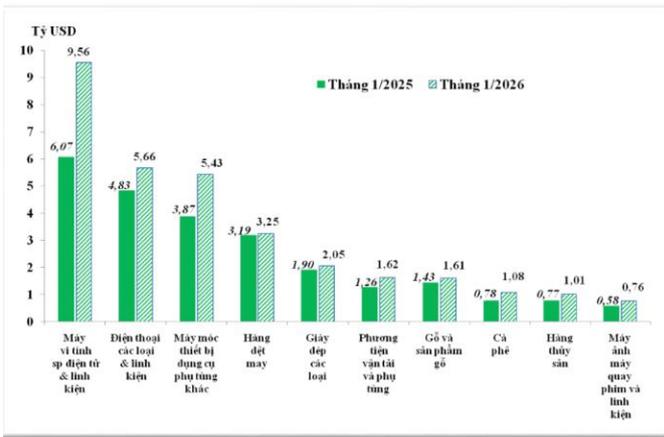
Nghị định này quy định chi tiết việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 2025, bao gồm các nội dung liên quan đến cổ phần hóa, chuyên nhượng vốn, chuyển đổi, hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu...

Phụ lục III của Nghị định nêu danh mục 20 doanh nghiệp mà Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu lại vốn nhà nước, trong đó có nhiều "trụ cột" như: Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng quốc gia Việt Nam; EVN; Viettel; Petrolimex; Vinachem; VRG; TKV; VNPT; Vietnam Airlines; Vinalines; Tổng công ty Đường sắt; VEC; ACV; SCIC; Bảo Việt; Agribank...

### Tình hình ngoại thương tháng 1/2026

- + Xuất khẩu: 43,19 tỷ USD
- + Nhập khẩu: 44,97 tỷ USD
- + Thâm hụt: gần 1,8 tỷ USD

**Xuất khẩu nhóm hàng chủ lực trong tháng 01/2025 và tháng 01/2026**



## II. Hoạt động ngân hàng Tăng trưởng huy động vốn

Ngay trước và sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán 2026, thị trường tiền gửi nhanh chóng nóng lên khi hàng loạt ngân hàng điều chỉnh lãi suất với nhiều chương trình khuyến mại quy mô lớn như kèm lì xì tiền mặt, tặng quà giá trị

Nội dung chính: Sửa đổi, bổ sung quy định về mạng lưới hoạt động, bao gồm thành lập và quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Mục đích: Quy định chặt chẽ hơn các điều kiện thành lập chi nhánh để tăng cường quản lý.

### Quyết định 82, 83 và 84/QĐ-NHNN (có hiệu lực từ 16/02/2026):

Công bố các thủ tục hành chính mới về sửa đổi, bổ sung đối với:

- (i) Lĩnh vực hoạt động tiền tệ;
- (ii) Lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;
- (iii) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

...

Nguồn: Chinhphu.vn

Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 88,16 tỷ USD, giảm nhẹ 0,6% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước (thời điểm trùng với nghỉ Tết Nguyên đán) trị giá xuất nhập khẩu trong tháng 01/2026 tăng tới 39%, tương ứng tăng 24,72 tỷ USD.

Trong đó:

**Xuất khẩu:** 43,19 tỷ USD, giảm 2% (tương ứng giảm 860 triệu USD) so với tháng trước và tăng 29,7% (tương ứng tăng 9,88 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước.

**Nhập khẩu:** 44,97 tỷ USD, tăng 0,6% (tương ứng tăng 288 triệu USD) so với tháng trước và tăng 49,2% (tương ứng tăng 14,84 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước.

**Cán cân thương mại:** Thâm hụt 1,784 tỷ USD.

Trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI trong tháng 1/2026 đạt 65,70 tỷ USD, tăng 2,1% tương ứng tăng 1,37 tỷ USD so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp này tăng 53,6%, tương ứng tăng 22,93 tỷ USD. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 33,64 tỷ USD, tăng 42,8% và trị giá nhập khẩu là 32,06 tỷ USD, tăng 66,8% so với tháng 01/2025.

Nguồn: HQVN

### Mức lãi suất huy động thông thường cao nhất một số kỳ hạn

Kỳ hạn	Không Kỳ hạn	01 tháng	03 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng
Mức lãi suất cao nhất	0,50%	4,75%	4,75%	7,10%	7,10%	7,20%	6,90%	6,95%
Ngân hàng	Nam Á Bank	OCB	OCB	PG Bank	PG Bank	PG Bank	Bac A Bank	BV Bank

\*Cập nhật đến 23/02/2026 từ các biểu lãi suất huy động tiết kiệm thông thường của các NH.

cao nhằm kéo dòng tiền nhàn rỗi quay lại hệ thống.

Áp lực thanh khoản dịp cuối năm và nhu cầu vốn phục hồi trong năm 2026 là nguyên nhân khiến các ngân hàng phải nâng lãi suất huy động để củng cố nguồn vốn trung, dài hạn.

Một số tổ chức dự báo lãi suất huy động năm 2026 có thể tăng thêm 50-100 điểm cơ bản so với cuối năm 2025, trong bối cảnh chênh lệch tăng trưởng tín dụng và huy động khoảng 4%.

### Kết quả hoạt động kinh doanh ngân hàng 2025

Tỷ lệ CASA (tiền gửi không kỳ hạn) ngân hàng quý IV/2025 ghi nhận sự phân hóa mạnh và có xu hướng giảm nhẹ hoặc đi ngang ở nhiều ngân hàng lớn do áp lực cạnh tranh lãi suất và sự chuyển dịch dòng tiền sang các kênh đầu tư khác. MB tiếp tục dẫn đầu, trong khi Techcombank và Vietcombank giảm nhẹ nhưng vẫn giữ top đầu.

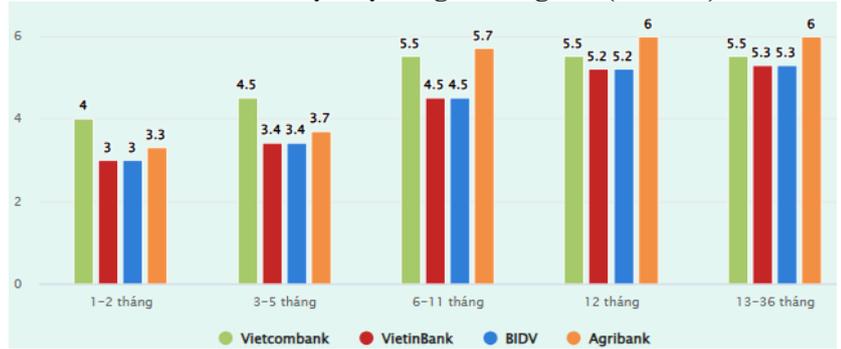
Xu hướng phân hóa và giảm nhẹ: CASA tại nhiều ngân hàng lớn giảm do dòng tiền chuyển sang các kênh đầu tư như vàng, bất động sản đang hồi dần lên, lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn nhích tăng, khiến tiền gửi không kỳ hạn khó duy trì ở mức cao.

Triển vọng 2026: CASA được dự báo khó quay lại mức đỉnh năm 2022, tiếp tục phụ thuộc vào công nghệ số và hệ sinh thái của từng ngân hàng.

### NIM ngân hàng tiếp tục xu hướng giảm

Theo kết quả tổng hợp số liệu báo cáo hoạt động kinh doanh 2025 của các ngân hàng niêm yết, biên lãi thuần (NIM) tiếp tục diễn biến theo hướng thu hẹp trong quý IV/2025, ghi nhận ở mức 3,04%, giảm 0,11 điểm % so với quý trước đó.

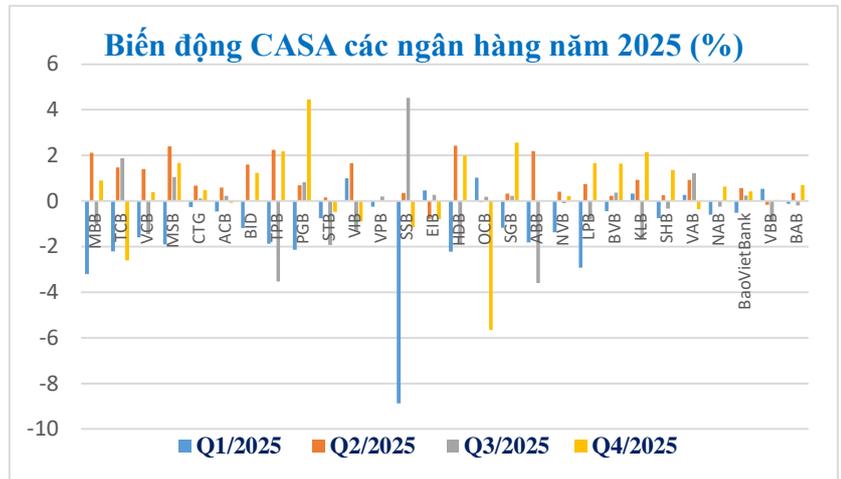
Lãi suất tiết kiệm tại 4 ngân hàng lớn (%/năm)



Nguồn: VNBA tổng hợp

Top ngân hàng dẫn đầu (theo dữ liệu đầu năm 2026 cho cả năm 2025): MB dẫn đầu ngành. Techcombank và Vietcombank ghi nhận tỷ lệ giảm (lần lượt giảm 1,53 điểm % và 1,58 điểm %) nhưng vẫn nằm trong top cao nhất.

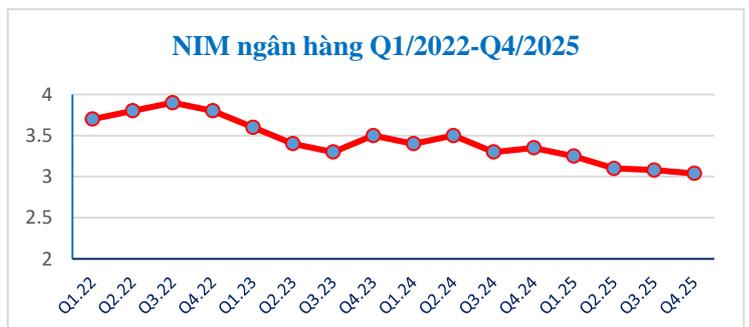
Biến động CASA các ngân hàng năm 2025 (%)



Điểm sáng và Ngân hàng giảm mạnh: PGBank là điểm sáng với mức tăng ấn tượng (tăng 3,73 điểm %), vươn lên top 10. Ngược lại, SeABank, OCB, ABBank, Sacombank ghi nhận mức giảm CASA đáng kể.

Tác động đến NIM: CASA thấp hơn gây áp lực lên biên lãi thuần (NIM) trong bối cảnh NIM toàn ngành đã giảm từ 3,25% (quý I/2025) xuống khoảng 3,0% (quý III/2025), buộc các ngân hàng phải cạnh tranh gay gắt hơn trong việc thu hút vốn giá rẻ.

NIM ngân hàng Q1/2022-Q4/2025



Diễn biến này nói dài xu hướng suy giảm NIM trong khoảng 2–3 năm trở lại đây. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chi phí vốn tăng nhanh hơn lợi suất tài sản sinh lời, trong bối cảnh hệ thống ngân hàng duy trì mặt bằng lãi suất thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng.

Các ngân hàng liên tục phải duy trì mặt bằng lãi suất thấp trong thời gian dài nên biên lợi nhuận cốt lõi của hệ thống ngân hàng buộc phải thu hẹp dần.

Có sự phân hóa giữa các ngân hàng:

- Nhóm ngân hàng lớn và vừa như VPBank, HDBank, KienlongBank... có NIM > 4%.
- Một số ngân hàng quy mô nhỏ có NIM < 2%.

Nguồn: VNBA tổng hợp

### Diễn biến giá vàng trong nước tuần qua

#### Giá vàng trong nước tháng 2/2026



Trong tuần qua, giá vàng trong nước đã có những biến động rất mạnh. Cả giá vàng nhẫn và giá vàng miếng đều bán ra ở mức rất cao.

Giá vàng miếng ngày giao dịch cuối cùng năm Âm lịch (13/2/2026) giảm so với ngày hôm trước, tuy nhiên vẫn có xu hướng neo cao kỷ lục, 181 triệu đồng/lượng.

Giá vàng miếng và giá vàng nhẫn ngang bằng nhau và tiếp tục neo ở vùng giá rất cao.

Nguồn: SJC/VNBA tổng hợp

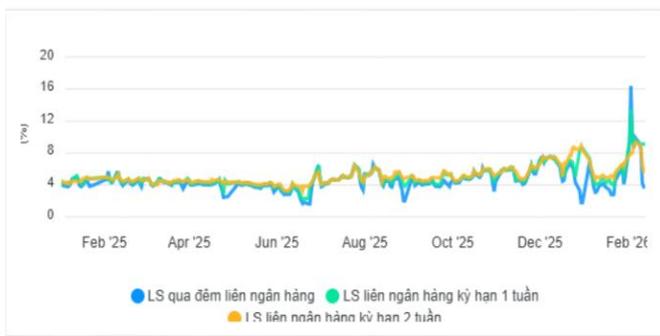
## III. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

### 2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tài chính Việt Nam trong 2 tuần đầu tháng 2/2026 thể hiện sự "thanh khoản dồi dào - pháp lý chặt chẽ - nội lực vững mạnh". Động thái Ngân hàng Nhà nước điều tiết lãi suất liên ngân hàng đã giảm nhanh chóng sau Tết, kết hợp với các Nghị định mới về quản lý vàng và ngoại hối, đã tạo ra một môi trường đầu tư minh bạch.

Với kết quả lợi nhuận tỷ USD của hàng loạt ngân hàng trong năm 2025, thị trường tài chính hoàn toàn có cơ sở để duy trì đà đi lên trong các quý tiếp theo của năm 2026.

#### Thị trường liên ngân hàng (LNH) Lãi suất VND LNH



Sau khi đạt đỉnh 9,1% vào đầu tháng (02/02), lãi suất LNH qua đêm đã giảm mạnh. Đến cuối tuần (13/02), lãi suất qua đêm chỉ còn khoảng 3,7%/năm.

Tuy nhiên, tính trung bình cả tháng, lãi suất kỳ hạn 1 tuần vẫn duy trì ở mức 5,92%/năm.

Trên thị trường LNH tuần (09-13/02/2026):

-Lãi suất VND LNH biến động theo xu hướng giảm mạnh trở lại ở tất cả các kỳ hạn từ 01 tháng trở xuống. Kết thúc ngày 13/02/2026, lãi suất VND LNH giao dịch ở mức:

- +Qua đêm: 3,70% (-6,30 điểm%);
- +01 tuần: 5,60% (-4,20 điểm%);
- +02 tuần: 6,30% (-3,35 điểm%);
- +01 tháng: 6,80% (-2,70 điểm%).

Lãi suất USD LNH biến động tăng – giảm nhẹ qua các phiên. Chốt phiên 13/02/2026, lãi suất USD LNH giao dịch ở các kỳ hạn tại các mức:

- +Qua đêm: 3,62% (+0,02 điểm%);
- +01 tuần: 3,67% (+0,01 điểm%);
- +02 tuần: 3,72% (+0,01 điểm%);
- +01 tháng: 3,76% (+0,01 điểm%).

## Thị trường mở (OMO)

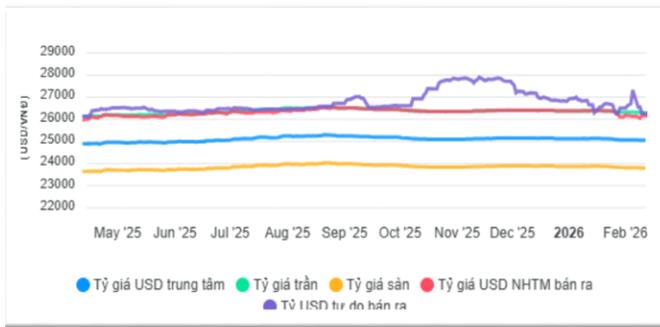
Mua/bán Tín phiếu của NHNN (09-13/02/2026)

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghiệp vụ cầm cố	102.000	69.680,93	66.798,36	2.882,57	482.896,33
Nghiệp vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	-	-	-	0,00
Tổng cộng				2.882,57	

NHNN đã bơm ròng mạnh tay (riêng ngày 02/02 bơm hơn 55.000 tỷ đồng) để hỗ trợ hệ thống. Tổng lượng tiền lưu hành trên kênh cầm cố đạt mức kỷ lục gần 483 nghìn tỷ đồng.

## Thị trường ngoại hối

### Tỷ giá theo xu thế giảm



Trên thị trường OMO tuần 09-13/02/2026:

-Tại kênh cầm cố, NHNN chào thầu 102.000 tỷ đồng với các kỳ hạn 7 ngày, 28 ngày và 56 ngày, lãi suất duy trì ở mức 4,5%. Có 69.680,93 tỷ đồng trúng thầu. Có 66.798,36 tỷ đồng đáo hạn trên kênh cầm cố.

- NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần.

- Như vậy, tuần trước kỳ nghỉ tết nguyên đán, NHNN bơm ròng 2.882,57 tỷ đồng ra thị trường qua kênh OMO. Có 482.896,33 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Trên thị trường ngoại hối tuần 09-13/02/2026:

-Tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh giảm qua các phiên. Chốt ngày 13/02/2026, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 25.049 VND/USD, giảm 16 đồng so với phiên trước kỳ nghỉ lễ.

-Tỷ giá mua giao ngay được NHNN niêm yết ở mức 23.847 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết mức ở mức 26.251 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần.

-Tỷ giá LNH trong tuần từ 09/02 - 13/02 tăng – giảm đan xen qua các phiên. Kết thúc phiên 13/02/2026, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.980 VND/USD, tăng nhẹ 20 đồng so với phiên trước kỳ nghỉ lễ.

-Tỷ giá trên thị trường tự do tuần trước kỳ nghỉ lễ giảm mạnh, đặc biệt phiên đầu tuần. Chốt phiên 13/02/2026, tỷ giá tự do giao dịch tại 26.200 VND/USD và 26.250 VND/USD, giảm 1.050 đồng ở chiều mua vào và 1.070 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, VNBA tổng hợp

## Thông tin liên hệ:

### BAN BIÊN TẬP BẢN TIN

Địa chỉ: 193 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0983.534.586; (024) 3 821 8733 | Email: vnba1994@gmail.com | Website: www.vnba.org.vn